

GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

TRƯỞNG BAN BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự của **Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Mobile-ID**;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MOBILE-ID.

Địa chỉ trụ sở chính: 1/11/74 Đặng Thùy Trâm, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 3622 2982

Fax: 028 36222983

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0313994173 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 9 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 11 tháng 8 năm 2025.

Được kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo Danh mục kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Mobile-ID phải thực hiện đúng các quy định của Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự này có thời hạn từ ngày tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 24 tháng 01 năm 2028, thay thế cho Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số 196/2026/GPKD-BCY ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT, MMDSKĐ. N03.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Hồ Văn Hương

DANH MỤC
CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH
(Kèm theo Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
số 381/2026/GPKD-BCY ngày /6/2026 của Ban Cơ yếu Chính phủ)

Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự được phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
I	Sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã		
1	Feitian ePass2003	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, ECDSA độ dài khóa 256 bit; - Thuật toán mật mã đối xứng: Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ CBC, AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ CBC; - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512. 	<p>Để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;</p> <p>Cung cấp cho người sử dụng và/ hoặc các tổ chức có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trong các lĩnh vực: tài chính, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, cơ quan nhà nước.</p>
2	KONA2 N41M0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, ECDSA độ dài khóa (256 bit, 384 bit, 521 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ CBC, AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC); - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512. 	
3	Feitian Java Card Platform (FT-JCOS)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit; - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit); - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-512. 	
4	Samsung S3FV9QH Logos USIM RFM Java Card (PKI USIM card)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa (2048 bit, 3072 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit); 	

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
		<ul style="list-style-type: none"> - Hàm băm mật mã: SHA-224, SHA-256, SHA-384, SHA-512; - Giao thức trao đổi khóa: ECDH. 	
5	Hypersecu HYP2003 PKI Authentication Token	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, ECDSA độ dài khóa 256 bit; - Thuật toán mật mã đối xứng: Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ CBC, AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ CBC; - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512. 	<p>Để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;</p> <p>Cung cấp cho người sử dụng và/ hoặc các tổ chức có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trong các lĩnh vực: tài chính, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, cơ quan nhà nước.</p>
6	Infineon SLE97CNFX1M00PE Logos USIM RFM S@T Java Card (PKI USIM CARD)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit. 	
7	KONA2 N41501T PKI 5G	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit. - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC, CTR, CFB), Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ (CBC, CTR, CFB). 	
8	Mobile-ID Trusted Key PKI	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, EDCSA độ dài khóa 256 bit; - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ CBC, Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ CBC. 	
9	Longmai mToken CryptoID	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, ECDSA độ dài khóa (256 bit, 521 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ (CBC, KW), AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC, KW); 	

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
		<ul style="list-style-type: none"> - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512; - Mã xác thực thông báo: HMAC-SHA-256, HMAC-SHA-384, HMAC-SHA-512. 	
10	i4P Trident HSM	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa (2048 bit, 3072 bit); ECDSA độ dài khóa (256 bit, 384 bit, 521 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC, CCM, CFB, CTR, GCM, OFB, XTS), Triple-DES độ dài khóa 192 bit chế độ (CBC, CFB, OFB); 	<p>Để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;</p> <p>Cung cấp cho người sử dụng và/ hoặc các tổ chức có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trong các lĩnh vực: tài chính, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, cơ quan nhà nước.</p>
11	i4P Trident RSS	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512; - Mã xác thực thông báo: HMAC-SHA-256, HMAC-SHA-384, HMAC-SHA-512; - Giao thức trao đổi khóa: ECDH. 	
12	Entrust nShield Solo HSMs	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa (2048 bit, 3072 bit), DSA độ dài khóa (2048 bit, 3072 bit), ECDSA độ dài khóa (256 bit, 384 bit, 521 bit, 283 bit, 409 bit, 571 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC, KW, KWP, GCM, CMAC); 	
13	Entrust nShield Connect HSMs	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512, SHA3-224, SHA3-256, SHA3-384, SHA3-512; - Mã xác thực thông báo: HMAC-SHA-256, HMAC-SHA-384, HMAC-SHA-512; - Giao thức trao đổi khóa: Diffie-Hellman, ECDH. 	

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
14	ST33G1M2 Logos USIM RFM S@T Java Card	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán mật mã phi đối xứng: RSA độ dài khóa 2048 bit, ECDSA độ dài khóa (256 bit, 384 bit, 521 bit); - Thuật toán mật mã đối xứng: AES độ dài khóa (128 bit, 192 bit, 256 bit) chế độ (CBC, GCM, CCM, CMAC, CTR); - Hàm băm mật mã: SHA-256, SHA-384, SHA-512; - Mã xác thực thông báo: HMAC-SHA-256. 	<p>Để bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;</p> <p>Cung cấp cho người sử dụng và/ hoặc các tổ chức có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trong các lĩnh vực: tài chính, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, cơ quan nhà nước.</p>